



V/v kiến nghị tháo gỡ các vướng mắc, bất cập trong các quy định ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của DN thủy sản Việt Nam



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2017

Kính gửi: Viện Nghiên cứu QL Kinh tế TW (Bộ Kế hoạch – Đầu tư)

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) cùng các doanh nghiệp thủy sản hội viên trên toàn quốc chân thành cảm ơn Quý Viện đã luôn hỗ trợ VASEP và các doanh nghiệp thủy sản tháo gỡ các vướng mắc, bất cập trong công tác cải cách thủ tục hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh theo các Nghị quyết 19 của Chính phủ thời gian qua.

Chính phủ đã liên tục 4 năm có các Nghị quyết 19 và nhiều chỉ đạo tích cực, nhưng trong thời gian qua, quá trình sửa đổi các văn bản pháp quy đã được nhận diện vẫn còn diễn ra chậm trong khi lại phát sinh thêm một số nội dung bất cập mới, gây cản trở cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DN, tạo thêm các chi phí không đáng có, ảnh hưởng bất lợi tới khả năng cạnh tranh của DN thủy sản Việt Nam. Trong đó phát sinh một số vấn đề thuộc lĩnh vực Y tế, Tài chính - Hải quan, Môi trường.

Những vấn đề này cũng đã được Hiệp hội báo cáo và kiến nghị tại Hội nghị triển khai Nghị quyết 19-2017 tổ chức ngày 10/3/2017 do VPCP và Bộ KHĐT tổ chức. Trên cơ sở cập nhật các thông tin và ý kiến từ các DN Hội viên, Hiệp hội VASEP xin gửi đến Quý Viện các vấn đề vướng mắc còn tồn tại trong ba lĩnh vực ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của DNTS Việt Nam, cụ thể như sau:

I. VỚI BỘ Y TẾ:

A. Sửa đổi, bổ sung Nghị định 38/2012/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ATTP

1) Về phạm vi công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm:

Kiến nghị: Thực hiện đúng theo quy định tại Điều 12 của Luật ATTP và các Nghị quyết liên quan của Chính phủ (NQ 103-2016/NQ-CP và NQ 19/2017/NQ-CP), theo đó Dự thảo Nghị định phải đảm bảo:

- Chỉ đăng ký bản công bố hợp quy với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn với CQNN có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường;
- Bãi bỏ quy định cấp Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP do không có quy định trong Luật ATTP và thực hiện thời gian 4 năm qua cho thấy sự bất cập, vướng mắc như tính chất của một “giấy phép con”.
- Miễn thực hiện việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm ATTP, miễn ghi nhãn tiếng Việt Nam đối với thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm nhập khẩu vào Việt Nam dùng để sản xuất xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu và nhập kinh doanh để sản xuất tiếp hàng xuất khẩu, không tiêu thụ tại thị trường trong nước (Mục 3, NQ 103/NQ-CP).

Lý do:

i) **Theo Luật An toàn thực phẩm:** Tại Điều 12, Luật ATTP chỉ quy định phương thức đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với thực phẩm chế biến bao gói sẵn, **không quy định** phương thức “công bố phù hợp với quy định ATTP”.

“Điều 12. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm đã qua chế biến

“3. Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn phải đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường.

Chính phủ quy định cụ thể việc đăng ký bản công bố hợp quy và thời hạn của bản đăng ký công bố hợp quy đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn”

Luật Tiêu chuẩn & Quy chuẩn kỹ thuật 2006 đã quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước liên quan phải xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý. Nghị định 38/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật ATTP đã thực hiện 4 năm qua, với quy định (tại Điều 3 & 4, NĐ 38/2012) việc các tổ chức, cá nhân phải thực hiện công bố phù hợp ATTP với những sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho đến khi có quy chuẩn tương ứng. Tuy nhiên, quy định này của Nghị định 38/2012 không thể là “bước đệm” kéo dài cho việc chậm trễ nào đó của các CQ nhà nước quy định trong Luật Tiêu chuẩn Quy chuẩn kỹ thuật, và vô tình tạo gánh nặng cho xã hội bao gồm cả các cơ quan nhà nước quản lý về an toàn thực phẩm và các tổ chức, cá nhân.

ii) **Theo Nghị quyết 19/2017/NQ-CP của Chính phủ:** Chủ trương rà soát và đơn giản thể hiện rõ tại khoản d), mục 1), phần III) cũng đã nêu rõ yêu cầu của Chính phủ: “...rà soát, sửa đổi các quy định về tiếp nhận công bố hợp quy đối với hàng hóa nhập khẩu theo hướng bãi bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục; không yêu cầu tiếp nhận công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chưa có quy chuẩn quốc gia; ...; tách bạch hoạt động đánh giá sự phù hợp với hoạt động quản lý nhà nước theo đúng quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa và pháp luật liên quan theo hướng cơ quan quản lý nhà nước không cấp Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với việc kiểm tra chuyên ngành.”

iii) **Theo Nghị quyết 103-2016/NQ-CP của Chính phủ:**

“Để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, gia công thực phẩm xuất khẩu, Chính phủ thống nhất cho phép doanh nghiệp được miễn kiểm tra Nhà nước về an toàn thực phẩm, công bố hợp quy và công bố sự phù hợp quy định an toàn thực phẩm, miễn ghi nhãn tiếng Việt Nam đối với thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm nhập khẩu vào Việt Nam chỉ dùng để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu, không tiêu thụ tại thị trường trong nước. Trong thời gian chưa sửa đổi các quy định pháp luật liên quan, thực hiện theo quyết nghị của Chính phủ”

iv) **Yêu cầu “công bố phù hợp với quy định ATTP” đã tạo thêm khó khăn không cần thiết cho DN:** Thủ tục cấp Giấy Xác nhận công bố phù hợp với quy định ATTP đã và đang tạo ra không ít nhiều khó khăn cho các tổ chức, cá nhân. Quy trình và hình thức thực hiện như hiện nay (quy định tại khoản 4) Điều 4) Nghị định 38/2012/NĐ-CP) với việc chờ đợi ít nhất 15 ngày làm việc để được cấp “giấy xác nhận” đang có tính chất tạo thêm một “giấy phép con” cho các tổ chức, cá nhân, đi ngược lại tinh thần giảm bớt quy định & thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay.

v) **Quy định này không phù hợp với thông lệ quốc tế:** hiện phương thức quản lý an toàn thực phẩm của nhiều nước trên thế giới (EU, Mỹ, Nhật Bản,...) không có phương thức tương tự. Các nước khác chỉ thực hiện công tác quản lý nhà nước dựa trên 3 hoạt động chính: đánh giá điều kiện SX, lấy mẫu phân tích và thanh-kiểm tra.

2) Về quy định hồ sơ, thủ tục đăng ký, tiếp nhận đăng ký và trả kết quả công bố hợp quy thực phẩm

Kiến nghị: Cần sửa đổi Nghị định 38 theo hướng đơn giản hóa các thành phần của hồ sơ đăng ký hợp quy, thủ tục đăng ký công bố hợp quy, tiếp nhận đăng ký và thông báo tiếp nhận công bố hợp quy dựa trên các nguyên tắc sau:

- Việc nộp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy là do Tổ chức, Cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm thuộc diện (như mục 1 kể trên) phải công bố hợp quy thực hiện;
- Cơ quan nhà nước chỉ thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận đăng ký và cấp “Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy”;
- Đơn giản hóa: Sửa đổi quy định yêu cầu Cơ quan nhà nước tiếp nhận hồ sơ sẽ: “kiểm tra Hồ sơ xem hồ sơ có đủ không ngay khi DN nộp hồ sơ, và thời gian cấp “Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy” xuống còn tối đa là **3 ngày làm việc**.

Lý do:

- Thực tế hiện nay, Nghị định 38/2012/NĐ-CP đang quy định thủ tục đăng ký công bố hợp quy của các cá nhân, tổ chức có liên quan với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cấp, cấp lại, cấp đổi “Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy” có tính chất như là một hình thức cấp “Giấy phép con” và chưa đúng với tinh thần của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật ATTP, cũng như tinh thần của Nghị quyết 19/2017/NQ-CP thể hiện ở Khoản d, mục 1, Điểm III như đã nêu tại mục 1 ở trên.
- Bản chất của hoạt động đăng ký công bố hợp quy là việc tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm của mình phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và DN tự chịu trách nhiệm về việc công bố đó. Tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm phải nộp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy và cơ quan thẩm quyền thực hiện tiếp nhận và trả kết quả bằng hình thức “Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy” (Hiện tại, các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm về công bố hợp quy thuộc ngành khác như Khoa học Công nghệ, Xây dựng,... đều đang thực hiện hình thức này, chứ không cấp “Giấy Tiếp nhận công bố hợp quy” như ngành Y tế).
- Về thời gian làm hồ sơ công bố hợp quy: Để hoàn thành thủ tục công bố hợp quy cho nhiều loại sản phẩm, bao gồm sản phẩm cho tiêu thụ nội địa, DN cũng phải mất nhiều thời gian (theo Khoản 4 Điều 4 Nghị định 38 là 15 ngày làm việc, tương đương khoảng 3 tuần) và chi phí. Nhưng thực tế hiện nay, thời gian để DN làm thủ tục để được cấp Giấy Xác nhận không chỉ là 3 tuần như qui định trên, mà thông thường còn mất nhiều thời gian hơn thậm chí là gấp đôi thời gian quy định. Nguyên nhân là do nhiều trường hợp sau khi đã chờ đợi đến đủ 3 tuần, DN lại mới nhận được thông báo là hồ sơ không đạt, yêu cầu doanh nghiệp lên Chi cục nhận lại hồ sơ và văn bản Thông báo không đạt để về sửa lại hồ sơ. Doanh nghiệp lại tiếp tục nộp hồ sơ và được tính lại từ đầu là 15 ngày làm việc. Do vậy, thời gian làm thủ tục công bố hợp quy của DN thường rất lâu, dẫn đến nhiều khi các đối tác không thể chờ đợi nên đã chuyển sang mua hàng của nhà cung cấp khác, làm DN mất khách hàng, mất cơ hội kinh doanh, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

- Thời gian đến 3 ngày làm việc cũng tương đương với thời gian cấp mới Giấy chứng nhận của các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Bộ NNPTNT và một số Bộ ngành khác.

3) Góp ý bổ sung nội dung “...và nhập kinh doanh để sản xuất tiếp hàng xuất khẩu” vào một số mục trong Dự thảo sửa Nghị định 38/2012:

Theo tinh thần khoản 3) Nghị quyết 103-2016/NQ-CP ngày 5/12/2016 thì đối tượng được miễn công bố hợp quy không chỉ có sản phẩm nhập khẩu để “sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu” mà còn có “nhập kinh doanh để sản xuất tiếp hàng xuất khẩu”. Vì mục đích này cũng hoàn toàn không để tiêu thụ nội địa mà để sản xuất tiếp hàng xuất khẩu.

Bởi vậy, đề nghị bổ sung câu “...nhập kinh doanh để sản xuất tiếp hàng xuất khẩu” vào những mục sau của Dự thảo:

- Mục 1) Điều 1 của Dự thảo - Bổ sung Khoản 2a vào Điều 3
- Khoản 2.i) Mục 5) Điều 1 của Dự thảo - Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 14
- “2. Các trường hợp sau đây được miễn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu
- Mục 6) Điều 1 của Dự thảo - Sửa đổi Khoản 1 Điều 18.

B. Kiến nghị tháo gỡ các vướng mắc trong công bố phù hợp quy định ATTP cho sản phẩm sản xuất để tiêu dùng nội địa:

1. Về thời gian làm hồ sơ công bố phù hợp quy định ATTP:

❖ Quy định pháp lý:

Theo Khoản 1, Điều 5, Chương II Thông tư số **19/2012/TT-BYT** ngày 9/11/2012 (sau đây gọi tắt là Thông tư 19) về trình tự, hồ sơ công bố phù hợp quy định ATTP:

- Bước 1 - Đánh giá sự phù hợp quy định an toàn thực phẩm (dựa trên kết quả kiểm nghiệm):* Thông thường, thời gian để DN nhận được kết quả kiểm nghiệm mẫu là khoảng **1 tuần**.
- Bước 2 - Đăng ký bản công bố quy định an toàn thực phẩm (theo quy định tại điều 7 Thông tư 19):*

Theo Khoản 5, Điều 7 Thông tư 19: “*Cơ quan tiếp nhận đăng ký quy định tổ chức tiếp nhận, cấp Giấy tiếp nhận và Giấy xác nhận theo quy định tại Khoản 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 38/2012/NĐ-CP*” (sau đây gọi tắt là Nghị định 38)

Theo Khoản 4 Điều 4 Chương II Nghị định 38: “*Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải cấp Giấy Xác nhận công bố phù hợp an toàn thực phẩm*”.

Như vậy, nếu tính cả ngày thứ Bảy và Chủ nhật (chưa tính ngày lễ), thời gian trả kết quả là khoảng 3 tuần.

Nếu hồ sơ hợp lệ thì tính từ khi kiểm nghiệm đến khi nhận được Giấy Xác nhận Công bố Phù hợp ATTP (sau đây gọi tắt là Giấy Xác nhận) mất khoảng 1 tháng. Như vậy, doanh nghiệp phải chờ ít nhất 1 tháng mới được bán hàng ra thị trường. Thời gian 1 tháng này là rất lâu trong bối cảnh kinh doanh cạnh tranh như hiện nay, dẫn đến nhiều khi các đối tác không thể chờ đợi được nên đã chuyển sang mua hàng của nhà cung cấp khác, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

Theo quy định trên, thời gian công bố hồ sơ mất 1 tháng, trong khi thời gian đợi Sở Y tế các tỉnh thành xét duyệt và cấp Giấy Xác nhận mất đến 21 ngày. Nhưng thực tế hiện nay, thời gian để Doanh nghiệp làm thủ tục cấp Giấy Xác nhận không chỉ là 1 tháng như qui định

trên, mà thông thường còn mất gấp đôi hoặc thậm chí nhiều hơn thời gian quy định. **Nguyên nhân:** là do sau khi đã chờ đợi đến 21 ngày, trong rất nhiều trường hợp doanh nghiệp lại nhận được thông báo là hồ sơ không đạt, yêu cầu doanh nghiệp lên Chi cục nhận lại hồ sơ và vẫn bản Thông báo không đạt để về sửa lại hồ sơ. Doanh nghiệp lại tiếp tục nộp hồ sơ và được tính lại từ đầu là 15 ngày làm việc.

Hiện nay, quy định của Bộ Y tế về thời gian cấp Giấy Xác nhận là 15 ngày làm việc, trong khi hiện tại thời gian để các cơ quan quản lý Nhà nước của Bộ NNPTNT cấp các giấy Chứng nhận chỉ là 1 - 3 ngày làm việc (ví dụ theo Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT, thời gian để Cục Quản lý Chất lượng NLS và Thủy sản (NAFIQAD) cấp Giấy Chứng nhận ATTP là 3 ngày làm việc, cấp Chứng thư cho lô hàng XK là 1 ngày làm việc; Theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT, thời gian để các cơ quan Kiểm dịch Động vật cấp Giấy Chứng nhận chứng nhận kiểm dịch là 2 ngày làm việc).

Kiến nghị: Quý Viện có ý kiến đề Chính phủ xem xét chỉ đạo sửa đổi quy định về thời gian cấp Giấy Xác nhận chỉ nên là **3 ngày làm việc** (tương đương với thời gian để kiểm tra hồ sơ, cấp các giấy chứng nhận).

❖ Về công tác thực thi:

Việc thực hiện của các cán bộ được giao trách nhiệm thực thi cũng tạo ra thêm các tồn thất về thời gian không đáng có cho doanh nghiệp. Để không mất thêm thời gian 21 ngày nữa, một số Doanh nghiệp có nhờ kiểm tra viên xem lại hồ sơ nhưng nhiều trường hợp các cán bộ này từ chối vì lý do không có thời gian dù chỉ mất thời gian xem trong vòng 5-10 phút, trong khi nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu thì doanh nghiệp phải đợi thêm một số tuần nữa, mất đi rất nhiều cơ hội kinh doanh.

Ví dụ thực tế tại một DN đã từng đăng ký 1 bộ hồ sơ tại Sở Y tế Tp. Hồ Chí Minh với thời gian như sau:

- Ngày nhận hồ sơ: 11/01/2017 - ngày hẹn trả hồ sơ: 07/02/2017
- Ngày 07/02/2017: Doanh nghiệp nhận được văn bản Thông báo hồ sơ không đạt ký vào ngày 03/02/2017 (Doanh nghiệp có hỏi vì sao không báo khi hồ sơ không đạt nhưng Phòng tiếp nhận hồ sơ trả lời là họ mới chỉ nhận văn bản nên không báo trước cho Doanh nghiệp được).
- Ngày nộp lại hồ sơ: 08/02/2017 - Ngày hẹn trả hồ sơ: 28/02/2017.
- Ngày 14/02/2017: Doanh nghiệp có hỏi về bộ hồ sơ nhưng nhân viên thụ lý hồ sơ trả lời là chưa xem.

Như vậy, nếu tính từ ngày nộp lần đầu đến ngày hẹn trả hồ sơ lần 2 mất khoảng 1 tháng rưỡi (45 ngày) nhưng doanh nghiệp vẫn chưa biết kết quả là có được cấp Giấy Xác nhận hay không. Trong các điểm cần điều chỉnh, bổ sung hồ sơ có những nội dung Doanh nghiệp làm giống như các bộ hồ sơ trước đã được duyệt nhưng bộ hồ sơ sau nhân viên khác kiểm tra hồ sơ thì lại có lỗi.

Kiến nghị: Quý Viện có ý kiến đề Bộ Y tế có văn bản hướng dẫn cho các Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm các Tỉnh thành khi tiếp nhận hồ sơ có thể kiểm tra sơ bộ hồ sơ và hướng dẫn ngay cho Doanh nghiệp nếu phát hiện có thiếu sót nào trong hồ sơ nhằm giúp DN giảm thiểu các sai sót trong hồ sơ khi nộp, tiếp kiệm được thời gian chờ đợi, lưu kho và gia tăng cơ hội kinh doanh cho Doanh nghiệp.

2. Về việc thực hiện gia hạn hồ sơ công bố:

Theo khoản 1, 2, 3, 4 Điều 8 Chương II Nghị định 38 và theo khoản 1 Điều 9 chương II Thông tư 19: Nếu hồ sơ công bố hết hạn và sản phẩm không thay đổi về quy trình sản xuất thì doanh nghiệp tiến hành gia hạn lại hồ sơ (định kỳ 5 năm đối với các doanh nghiệp đã có hệ thống quản lý chất lượng theo HACCP, ISO 22000 hoặc tương đương).

Tuy nhiên, hiện nay việc thực hiện tại các Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm lại khác nhau. Chi cục thuộc Sở Y tế Tp. HCM không chấp nhận việc gia hạn hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp tiến hành công bố lại hồ sơ như một mặt hàng chưa được công bố.

Trả lời thắc mắc của doanh nghiệp về vấn đề này, Chi cục cho biết nguyên nhân là do Cục An toàn Thực phẩm (Bộ Y tế) chưa có hướng dẫn và cam kết Chi cục sẽ có ý kiến gửi đến lãnh đạo của Cục An toàn Thực phẩm nhưng chưa biết khi nào có câu trả lời. Trong khi đó, hiện nay Chi Cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm tỉnh Bình Thuận lại cho phép gia hạn theo đúng quy định pháp luật chứ không bắt buộc làm thủ tục công bố mới.

Việc yêu cầu công bố mới đối với các sản phẩm gia hạn lại gây khó khăn lớn cho doanh nghiệp do:

- a. *Về thời gian:* mất 21 ngày như đã nêu ở trên (mục I), trong khi thời gian quy định cho việc gia hạn lại chỉ 7 ngày làm việc (Khoản 4 Điều 8 Chương II Nghị định 38).
- b. *Về ghi nhãn hàng hóa:* Doanh nghiệp khi đã có Giấy Xác nhận công bố phù hợp an toàn thực phẩm thì sẽ tiến hành in hàng loạt bao bì để sản xuất. Nếu thay đổi lại bộ hồ sơ công bố thì số của Giấy Xác nhận do Chi Cục cấp là số mới nên nhãn phải thay đổi. Do đó Doanh nghiệp phải bỏ nhãn cũ, in lại nhãn mới, vô cùng tốn kém thêm chi phí và mất thêm thời gian. Ngoài ra, Doanh nghiệp còn phải giải quyết thêm nhiều vấn đề liên quan đến hàng tồn kho (đã đóng bao bì từ trước) và sản phẩm đang bán trên thị trường chưa tiêu thụ hết.

Kiến nghị: Quý Viện có ý kiến đề

- Bộ Y tế có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chính thức về vấn đề này đến các Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm các Tỉnh thành để thống nhất cho phép gia hạn lại hồ sơ khi hồ sơ hết hạn.
- Bộ Y tế chủ trì đề xuất Chính phủ sửa đổi quy định để giảm thời gian trả kết quả gia hạn hồ sơ công bố chỉ còn trong vòng 3 ngày làm việc (tương đương với thời gian cấp mới Giấy chứng nhận của các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Bộ NNPTNT hiện nay).

II. VỚI BỘ TÀI CHÍNH (THUẾ - HẢI QUAN)

1. Bất cập trong mức thu phí và lệ phí cho Doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản tại các Thông tư mới ban hành theo Luật phí và Lệ phí 2015

Để tuân thủ các sửa đổi trong Luật Phí và Lệ phí 2015, Bộ Tài chính đã ban hành 4 Thông tư mới cũng bắt đầu có hiệu lực từ 1/1/2017 (Thông tư **230/2016/TT-BTC** ngày 11/11/2016, Thông tư **279/2016/TT-BTC** ngày 14/11/2016, Thông tư **285/2016/TT-BTC** ngày 14/11/2016, Thông tư **286/2016/TT-BTC** ngày 14/11/2016) quy định các mức thu phí và lệ phí trong lĩnh vực nông nghiệp, y tế, công thương, thú y, khai thác thủy sản và xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản. Các Thông tư nói trên dù mới được ban hành nhưng vẫn còn

nhiều điểm bất cập, một số mức phí được quy định quá cao và chưa phù hợp với cả điều kiện thực tế và quy định của Luật phí & lệ phí, làm tăng cao các chi phí cho DN, giảm khả năng cạnh tranh của DN, cụ thể là:

a. Kiến nghị làm rõ các công việc cần thiết trong hoạt động “Thẩm định”

Trong 4 Thông tư nói trên, có nhiều hạng mục thu được quy thành “**Phí thẩm định**”. Tuy nhiên, tại các Thông tư này đều không có mục nào giải thích các hoạt động/công việc cần thiết trong việc “**thẩm định**” này là bao gồm những hoạt động và công việc gì mà cơ quan nhà nước sẽ cung cấp/dịch vụ cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Vì đây là cơ sở, là khung quan trọng để xác định mức thu đúng theo nguyên tắc “bù đắp chi phí” của Luật Phí và Lệ phí.

Kiến nghị: Bộ Tài chính rà soát và bổ sung nội dung giải thích “thẩm định” là những công việc, khung công việc cụ thể nào trong phạm vi của mỗi Thông tư, để từ đó làm cơ sở khách quan, minh bạch cho mỗi mức phí.

b. Kiến nghị rà soát, điều chỉnh các mức phí quy định ở 4 Thông tư:

❖ **Thông tư 286:**

➤ **Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thực phẩm xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu:**

- Đối với trường hợp phải kiểm tra, lấy mẫu tại DN: 350.000 đ/lô hàng
- Đối với trường hợp chỉ kiểm tra hồ sơ: 100.000 đ/lô hàng

Các DN phản ánh mức phí trên là rất cao và làm gia tăng chi phí đáng kể của doanh nghiệp khi mà trước đây doanh nghiệp không phải trả chi phí này. Theo phản ánh của DN, nếu lấy quy mô sản xuất XK như năm 2016 thì các doanh nghiệp sẽ phải mất thêm từ 100 triệu đồng đến hơn 1 tỷ đồng/năm cho mỗi doanh nghiệp.

Trên cơ sở “**bù đắp chi phí**” và hiện trạng thực tế công tác này, các doanh nghiệp đã phản ánh một số điểm chưa sát, bất cập khi tính toán mức chi phí quy định trong Thông tư:

1) Lấy mẫu: Mỗi lần đi lấy mẫu, cán bộ của cơ quan kiểm tra (từ Trung tâm vùng, phụ trách một số tỉnh-thành phố) thường đi một số doanh nghiệp/1 lần đi và kiểm tra-lấy mẫu từ một số đến hơn 10 lô hàng/1 doanh nghiệp. Như vậy, việc tính toán phù hợp phải tính đến thực tế này, không phải mỗi lần đi kiểm tra-lấy mẫu chỉ đến 1 DN hoặc chỉ lấy 1 mẫu/1 DN; dữ liệu thực tế cần thiết là:

- Trong một lần lấy mẫu, cán bộ NAFIQAD đi lấy mẫu bao nhiêu lô /mỗi DN (tính theo quy mô: DN lớn, DN vừa và DN nhỏ);
- Trong một đợt đi lấy mẫu, trung bình cán bộ NAFIQAD đi bao nhiêu DN? Trong đó có bao nhiêu DN lớn, DN vừa, DN nhỏ?

2) Mỗi lần đi lấy mẫu, ngoài việc lấy mẫu theo yêu cầu của nước NK, nhiều trường hợp cơ quan kiểm tra còn kết hợp cả lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng hoặc yêu cầu của Bộ NNPTNT (trường hợp Nhật Bản- phải lấy mẫu kiểm tra theo quyết định của Bộ NNPTNT) **hoặc** kết hợp với kiểm tra điều kiện sản xuất của DN.

3) Các chi phí kiểm hàng hiện tại của DN đều đang tăng quá nhiều so với năm 2016. Với mức phí cấp giấy chứng nhận TPXK 350.000 đ/lô hàng như trên bắt đầu thu từ 1/1/2017, DN đang gánh thêm 1 chi phí rất lớn vì trung bình mỗi ngày một DN đều kiểm tra-lấy mẫu khá

nhiều cont hàng, trong khi đó hiện NAFIQAD vẫn đang thu phí cấp giấy chứng nhận TPXK cho cả các lô hàng theo yêu cầu của khách hàng theo đúng mức phí quy định của Thông tư 286. Với mức phí này, nếu lấy quy mô sản xuất XK như năm 2016 thì các DN sẽ phải mất thêm từ 100 triệu đồng đến hơn 1 tỷ đồng/năm cho mỗi DN.

Kiến nghị: Bộ Tài chính rà soát để giảm mức phí này xuống mức phù hợp theo nguyên tắc quy định của Luật phí & Lệ phí, cụ thể là: Đối với trường hợp phải kiểm tra, lấy mẫu tại doanh nghiệp: không quá 200.000 đ/lô hàng.

➤ ***Phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản***

Bộ Công Thương và Bộ Y tế đã hoàn toàn ủy quyền giao cho các cơ quan trực thuộc tại các địa phương thực hiện xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở để hỗ trợ tối đa cho các doanh nghiệp. Trong khi đó, Bộ NNPTNT vẫn đang chia DN ra 2 nhóm đối tượng để xác nhận kiến thức ATTP do 2 cấp trung ương và địa phương cùng thực hiện với 2 mức phí khác nhau (**cấp trung ương là 50.000 đ/lần người, cấp địa phương là 30.000 đ/lần người**). Trong khi đó, về bản chất thực hiện, việc xác nhận kiến thức ATTP trong tất cả các doanh nghiệp chế biến thực phẩm ở cả hai cấp đều tương tự nhau.

Kiến nghị: Để đảm bảo sự công bằng và phù hợp, Bộ Tài chính xem xét để áp dụng chung một cơ chế và một mức phí **30.000 đồng/lần người** về xác nhận kiến thức ATTP cho tất cả các ngành chế biến thực phẩm do cả ba bộ (Bộ NNPTNT, Bộ Y tế và Bộ Công Thương) thực hiện.

❖ **Thông tư 279:**

➤ ***Phí thẩm định hồ sơ công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP***

Mức phí tại Biểu phí ban hành kèm theo Thông tư 279: “Thẩm định hồ sơ công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (trừ thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng); phụ gia thực phẩm; chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; các thực phẩm là thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm; công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định đối với thuốc lá:

- Công bố lần đầu: 500.000 đồng /lần/sản phẩm

- Công bố lại: 300.000 đồng /lần/sản phẩm”

Kiến nghị: Bộ Tài chính rà soát quy định lại mức thu này cho phù hợp, kiến nghị mức thu “thẩm định hồ sơ...” là không quá **200.000 đồng/lần** cho công bố lần đầu và không quá **100.000 đ/lần** đối với công bố lại.

Lý do:

a) Thứ nhất, tương xứng với công việc tương tự của phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thực phẩm XK theo yêu cầu của nước nhập khẩu - trong trường hợp chỉ kiểm tra hồ sơ (không đi kiểm tra, lấy mẫu) tại Thông tư 286 (đã quy định là 100.000 đ/lô hàng).

b) Thứ hai, một thực tế là, để có đủ “hồ sơ công bố hợp quy...” dùng cho việc “thẩm định...” này, thì quy định chuyên ngành của Bộ Y tế là các DN phải gửi mẫu đi kiểm tra cảm quan, phân tích các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (vi sinh, hóa lý), khi đó mới có 1 “hồ sơ”

quan trọng là “kết quả kiểm nghiệm”. Đây đã & đang là danh mục chi phí mà DN phải thực hiện.

Chi phí xác nhận công bố công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP theo Thông tư 279 cũng như Thông tư cũ (Thông tư 149/2013/TT-BTC) đều là cao. Thống kê của một công ty hải sản quy mô nhỏ tại Miền Trung cho thấy với mức phí này, tổng chi phí hàng năm cho việc công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm của công ty đã lên tới khoảng 100 triệu đ/năm. Trong khi đó, mức phí thẩm định hồ sơ 500.000 đ/lần là chưa có cơ sở khi việc thẩm định hồ sơ chỉ là các công tác hành chính tại chỗ như tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, xác nhận trên giấy tờ, tài liệu, không tốn nhiều nhân lực và chi phí.

❖ **Thông tư 230**

➤ ***Phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản***

Mức phí tại Biểu phí ban hành kèm theo **Thông tư 230**: *Phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản: 700.000 đồng/lần.*

Ngoài ra, theo Thông tư 50/2015/TT-BNNPTNT có quy định thủ tục về Chứng nhận lại thủy sản khai thác (Điều 8) khi Giấy chứng nhận thủy sản khai thác bị rách, nát không còn nguyên vẹn nhưng trong Thông tư 230 chưa có quy định mức phí cho hoạt động này

Kiến nghị:

- 1) Bộ Tài chính soát xét & bổ sung hướng dẫn/quy định mức phí phù hợp cho thủ tục chứng nhận lại thủy sản khai thác khi Giấy chứng nhận bị rách, nát không còn nguyên vẹn.
- 2) Các DN phản ánh, đây là mức phí quá cao, không thể đồng tình. Kiến nghị Bộ Tài chính rà soát, điều chỉnh mức Phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản xuống không quá **100.000 đồng/lần** (thay vì mức 700.000 đ/lần như TT230).

Lý do cụ thể như sau:

a) Việc “bù đắp chi phí” như quy định trong luật cần phải tính toán sát thực với quy định và thực tế của công việc này. Theo phản ánh của các DN, mức **700.000 đ/lần** là quá cao & chưa có cơ sở khi hoạt động Thẩm định này chủ yếu chỉ bao gồm các công tác hành chính như tiếp nhận hồ sơ từ DN, kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các dữ liệu khai thác của tàu thuyền, cảng cá, kiểm tra việc mua hàng thực tế tại cảng (chỉ đối với dưới 5% số lô để thẩm tra) và cấp giấy xác nhận.

Mức phí này quá cao làm tăng gánh nặng chi phí cho DN trong bối cảnh DN đang gặp nhiều khó khăn và đang rất cần được hỗ trợ nâng cao khả năng cạnh tranh như Nghị quyết 19/2017 của Chính phủ. Trong thực tế hiện nay, các lô hàng XK sang EU và sắp tới là thị trường Mỹ đều phải xin cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác. Một lô hàng XK có thể có nhiều giấy xác nhận nguyên liệu do thực tế mua từ nhiều đợt và từ nhiều địa phương khác nhau. Do đó, chi phí xác nhận nguyên liệu cho một lô hàng XK là một con số không nhỏ, và điều dễ hiểu đó là chi phí mà DN phải trả thêm tính từ 1/1/2017.

Theo thống kê của một công ty chế biến cá ngừ cỡ vừa, trong năm 2016 họ đã phải cần tới tổng cộng **1.200** bộ xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác. Nếu theo quy định của Thông tư 286 thì một năm công ty sẽ phải chi trả thêm chi phí cho hoạt động này là:

1.200 bộ x 700.000 đ/bộ = **840.000.000 đồng/năm**. Các doanh nghiệp lớn hơn, con số sẽ thậm chí gấp 2-3 lần.

Theo một DN sản xuất hải sản cỡ nhỏ, trong năm 2016 họ đã làm **220** bộ giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác chỉ cho riêng thị trường EU. Như vậy ước tính chi phí công ty phải chi trả thêm cho hoạt động này chỉ riêng cho hàng XK đi thị trường EU năm 2017 sẽ là 220 bộ x 700.000 đ = **154.000.000 đ/năm** (chưa bao gồm hồ sơ xác nhận nguồn gốc nguyên liệu đi thị trường Mỹ).

Còn theo số liệu của một DN nhỏ khác sản xuất cá ngừ tại miền Trung, thì chỉ riêng một nhà máy của họ một tháng ít nhất phải làm **20 bộ** xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác. Như vậy, tính trung bình một năm một nhà máy này sẽ phải chi trả thêm cho phí xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản khai thác là 20 bộ/tháng x 12 tháng x 700.000 đ/bộ = **168.000.000 đồng**.

Như vậy, với việc các chi phí cho SX trong năm 2017 đều tăng, việc chi phí xác nhận nguồn gốc quá cao như trên càng làm cho chi phí hoạt động kinh Doanh sản xuất của Doanh nghiệp giảm sút cạnh tranh.

Các doanh nghiệp hải sản (sử dụng nguyên liệu từ biển) đang nỗ lực từng ngày để có nguyên liệu, để hỗ trợ ngư dân, để mở rộng được hơn thị trường Châu Âu khi phải cạnh tranh với nhiều nước **nhưng nếu** cả ngành hải sản với khoảng 200 nhà máy, với trung bình khoảng 150 triệu đ/nhà máy phải chi phí thêm thì toàn ngành chế biến XK hải sản sẽ phải chi trả khoảng **30 tỷ VND/năm** thì rất khó để gia tăng được năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và ngành, và sẽ là yếu tố không nhỏ kéo lại những nỗ lực đã được chỉ ra trong các Nghị quyết số 19/2016 và 19/2017 của Chính phủ.

➤ **Thông tư 285: Phí kiểm dịch cho lô hàng nhập khẩu:**

Mức phí tại Biểu phí ban hành kèm theo Thông tư 285:

I.1. Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu: 70.000/lần

II.3.1. Kiểm dịch sản phẩm động vật đông lạnh: 200.000 đ/container

Phí và lệ phí kiểm dịch thú y sau khi Thông tư 285 có hiệu lực đã tăng lên nhiều lần so với trước đây (*thực hiện theo Thông tư 04/2012/TT-BTC ngày 5/1/2012 được sửa đổi, bổ sung một phần bởi Thông tư 11/2013/TT-BTC ngày 21/1/2013 và hợp nhất tại Văn bản Hợp nhất số 53/VBHN-BTC ngày 4/12/2014*).

Cụ thể: Trước đây chỉ thu lệ phí cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu là 70.000 đ/lần (Khoản 3 Mục I, Văn bản Hợp nhất 53/VBHN-BTC). Ngoài ra, đối với lô hàng NK để kinh doanh còn thêm phí kiểm mẫu 1.005.000 đ/lô.

Hiện nay theo Thông tư 285/2016/TT-BTC thu 270.000 đ/lô hàng, gồm lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch 70.000 đ/lần (Khoản 1 Mục I Thông tư 285) và phí Kiểm dịch sản phẩm động vật đông lạnh 200.000 đ/lô (Khoản 3.1 Mục III Thông tư 285). Ngoài ra, đối

với lô hàng NK để kinh doanh còn thêm phí kiểm mẫu là 4.278.000 đ/lô đối với 1 mặt hàng, nếu lô hàng có từ 2 mặt hàng trở lên thì phí này sẽ nhân lên với số mặt hàng.

So sánh chi phí trước và sau khi có thông tư 285 thì chi phí DN phải nộp thêm cho cơ quan Thú ý cho cả phí, lệ phí cấp giấy kiểm dịch và kiểm mẫu đã tăng lên gấp 4 lần đối với lô hàng có 1 mặt hàng (nếu lô hàng có nhiều mặt hàng thì sẽ tăng thêm nhiều lần hơn nữa).

Kiến nghị: Bộ Tài chính rà soát điều chỉnh mức thu không nên quá **40.000 đồng/lần** đối với *Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch (mục I.1)* và không quá 100.000 đ/container đối với *Phí kiểm dịch sản phẩm động vật đông lạnh (mục II.3.1)*.

III. VỚI BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG:

1. Về chất thải rắn:

DN đã có hợp đồng với đơn vị thu gom, tái chế để xử lý rác thải CN (bao bì carton hư, nylon, sắt vụn, nhựa,...). Mỗi lần giao nhận đều có hóa đơn. Tuy nhiên, đoàn Thanh tra TCMT yêu cầu phải đơn vị thu gom phải có hồ sơ chứng minh đã xử lý, tái chế, nếu không sẽ bị phạt. Đơn vị thu gom từ chối cung cấp hồ sơ và tại địa phương cũng không có cơ sở thu gom nào có đủ hồ sơ như yêu cầu.

Kiến nghị: Bộ TNMT cho phép nếu tại địa phương không có cơ sở thu gom, tái chế, xử lý rác thải CN cung cấp được hồ sơ chứng minh hoạt động tái chế, xử lý rác thải của họ thì không xử phạt DN.

2. Về nước thải:

- a. *Về QCVN được áp dụng:* Nhà máy nằm trong Khu CN thì phải áp dụng ngưỡng các chỉ tiêu nước thải theo QCVN 40: 2011/BTNMT về nước thải CN, không được áp dụng QCVN 11:2015/BTNMT về nước thải chế biến thủy sản. Điều này tạo ra sự không công bằng giữa các DN trong Khu CN và các DN nằm ngoài Khu CN.

Kiến nghị: Bộ TNMT cho phép: các NM trong KCN khi đầu nối vào hệ tập trung thì vẫn được áp dụng theo QCVN 11:2015/BTNMT.

- b. *Về bùn thải:* Bùn thải của nhà máy thủy sản là chất thải không gây nguy hại. Kiến nghị: Bộ TNMT cho phép bỏ không kiểm bùn thải do tốn chi phí không cần thiết (chi phí kiểm lên tới 60 – 80 triệu/năm).
- c. *Về các chỉ tiêu N, P trong nước thải:* trong thực tế SX của các DN đang có một số bất cập sau:
 - Nước thải của các công ty chế biến tôm đi Mỹ có chỉ tiêu Phospho cao (từ 2-3 lần đến 8-10 lần so với QCVN 11:2015) do yêu cầu của khách hàng Mỹ đòi hỏi sử dụng nhiều Phosphate trong quá trình CB. Việc xử lý Phospho theo đúng yêu cầu làm cho DN tốn chi phí rất lớn nhưng nước thải sau xử lý vẫn không thể đạt được theo đúng mức giới hạn tối đa cho phép mà QCVN yêu cầu.
 - Xử lý P rất khó do nếu DN sử dụng nước ngầm trong sản xuất thì chỉ tiêu Phospho có sẵn trong nước đã lên mức 19 mg/l (QCVN 11:2015 chỉ cho phép chỉ tiêu Phospho trong nước thải là 20 mg/l) nên sau quá trình SX của DN thì mức Phospho đã vượt quá mức cho phép theo quy định của QCVN 11:2015.

- Các nước khác tại ASEAN không có Phospho trong Tiêu chuẩn về môi trường trong khi Việt Nam lại quy định quá cao. Điều này gây ảnh hưởng bất lợi tới khả năng cạnh tranh của DN.
- Tại các công ty chuyên SX Surimi, nước rửa cá thường có dư lượng Phospho và Nitơ rất cao, đặc biệt là dư lượng Nitơ (do công nghệ chế biến đòi hỏi phải sử dụng nước để rửa trôi các protein hòa tan trong thịt cá). Do đó gần như không có Nhà máy nào đạt chỉ tiêu Nitơ, mà thường vượt ngưỡng dư lượng tối đa cho phép của QCVN.
- Đoàn Thanh tra môi trường lấy mẫu kiểm tại 3 thời điểm khác nhau và các mẫu này cho các kết quả phân tích khác nhau, nhưng Đoàn lại chọn giá trị vi phạm cao nhất để xử phạt. Ngoài ra, việc chuyển mẫu đi đến phòng kiểm nghiệm để phân tích cũng mất khoảng vài ngày và điều này có thể ảnh hưởng đến dư lượng các chất trong nước thải, nhất là chỉ tiêu Nitơ, dẫn đến kết quả phân tích không phản ánh chính xác mức dư lượng thật sự của các chỉ tiêu trong nước thải của các Nhà máy.

Kiến nghị:

- Nâng giới hạn tối đa cho phép của chỉ tiêu Phospho và Nitơ tại QCVN 11:2015 lên cao (trên cơ sở thuê hoặc tham vấn các Trường, Viện Nghiên cứu hoặc các về môi trường có các báo cáo độc lập làm cơ sở cho kiến nghị ngưỡng tối đa cho phép) và có lộ trình cho phép để DN thủy sản có thể hạ dần dư lượng Phospho và Nitơ trong nước thải của DN xuống đạt giới hạn tối đa cho phép.
- Các đoàn Thanh tra Môi trường nên lấy kết quả trung bình của các mẫu kiểm để làm căn cứ xử phạt nhằm đảm bảo công bằng cho các DN.

3. Các vấn đề chung:

- a. *Về Phương án Bảo vệ Môi trường:* theo Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016, các Nhà máy phải làm Báo cáo ĐTM (đối tượng thuộc Điều 21 Thông tư 31/2016 và Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP) đều phải làm Phương án Bảo vệ môi trường. Điều này là không cần thiết và làm mất thêm thời gian và chi phí của DN.

Kiến nghị: Nếu nhà máy chưa có Báo cáo ĐTM thì phải làm Phương án Bảo vệ Môi trường; còn Nhà máy đã có ĐTM thì không cần phải làm.

- b. *Vai trò, vị trí, trách nhiệm của Sở TNMT; khung pháp lý cho thủ tục đánh giá của Cơ quan Môi trường:*

- DN cần có báo cáo định kỳ 1-2 lần/năm theo Báo cáo ĐTM lên Sở TNMT, nhưng DN không nhận được phản hồi nào từ Sở. Tuy nhiên, khi đoàn Thanh tra của Tổng cục Môi trường đến đánh giá thì kết luận là DN SAI. Như vậy, vai trò của Sở TNMT là như thế nào khi mà Đoàn Thanh tra của Tổng cục Môi trường đều áp tất cả các lỗi cho DN trong khi nhiều vấn đề về hồ sơ/thủ tục giữa DN và Sở TNMT đều đã được phản ánh, báo cáo tới Sở nhưng Sở không có bất cứ phản hồi nào.
- Một số nhà máy có kế hoạch cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và đã có văn bản báo cáo và xin phép gửi tới Sở TNMT. Trong thời gian cải tạo, nâng

cấp này, dung lượng nước xả thải của nhà máy không đạt chuẩn cũng rất hạn chế và chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn (do Nhà máy vẫn phải duy trì một phần SX để đảm bảo đơn hàng và đời sống cho người lao động). Tuy nhiên, khi Đoàn Thanh tra của Tổng cục Môi trường tiến hành thanh tra trong thời gian đơn vị đang cải tạo, xử lý hệ thống nước thải đã đánh giá nước thải của DN không đạt và xử phạt DN.

Kiến nghị: Đề nghị Bộ TNMT làm rõ vai trò, vị trí, trách nhiệm của Sở TNMT trong việc quản lý cũng như hỗ trợ các vấn đề về môi trường đối với các DN cũng như làm rõ khung pháp lý cho thủ tục đánh giá của các cơ quan quản lý môi trường.

c. Giá trị pháp lý các số liệu quan trắc online:

Theo Thông tư 31/2016/TT-BTNMT quy định đối với nhà máy có công suất nước thải >1.000m³/ngày đêm thì phải lắp hệ thống quan trắc tự động. Nhưng con số quan trắc online có được Bộ TNMT công nhận giá trị pháp lý hay không thì trong Thông tư 31 hay các văn bản pháp lý khác của Bộ TNMT không nêu rõ.

Kiến nghị: Tính pháp lý các con số đo được từ hệ thống quan trắc tự động với những nhà máy có công suất nước thải >1.000m³/ngày đêm cần có khung pháp lý rõ ràng hơn.

Trong bối cảnh các DN thủy sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong năm 2017, để hỗ trợ các DN thủy sản kịp thời giảm bớt các khó khăn, tạo môi trường thông thoáng và thuận lợi cho kinh doanh xuất khẩu thủy sản, tạo điều kiện hỗ trợ DN nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, Hiệp hội VASEP trân trọng đề nghị Quý Viện xem xét, có biện pháp giải quyết và trình Chính phủ tháo gỡ các vướng mắc nêu trên đồng thời đưa các nội dung này vào “trọng điểm” thực hiện Nghị quyết 19-2017/NQ-CP để tổ chức các Hội nghị đối thoại chuyên đề riêng trong tháng 4-5/2017 về các nội dung kiến nghị này với từng Bộ Ngành chức năng.

Hiệp hội rất mong nhận được sự hỗ trợ của Quý Viện và Bộ Kế hoạch Đầu tư cho các kiến nghị và đề xuất nêu trên.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch & PCT Hiệp hội;
- VPDD HH tại Hà Nội
- Lưu VP HH.

**TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ
XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
TỔNG THƯ KÝ HIỆP HỘI**

**BAN
CHẤP HÀNH**

Trương Đình Hòa